

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN T  
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 04/01/2021.

V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH QUẢNG NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phùng Thành.*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Đăng Thám

2. Ông Tô Đình Trị

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Hải Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Trúc Mai – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 158/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2020, về việc: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn: Anh Phan Phước S, sinh năm: 1984.*

*- Bị đơn: Chị Võ Thị Thu L, sinh năm: 1984*

*Cùng trú tại: Tổ 1, thôn L, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.*

*(Nguyên đơn anh S có mặt; bị đơn chị L vắng mặt).*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Phan Phước S trình bày:

Anh và chị Võ Thị Thu L tự nguyện tìm hiểu yêu thương và đến với nhau thành vợ chồng, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện T vào năm 2007. Sau khi cưới nhau vợ chồng chị sống hạnh phúc được thời gian đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã sau đó thì chị bỏ đi về quê mẹ hay đi đâu anh S cũng không rõ. Anh có gọi điện thoại cho chị nghe máy nhưng cố tình không cho anh S biết địa chỉ nơi ở của chị Liên. Anh S đã nhiều lần khuyên vợ trở về nhà chung sống làm ăn nuôi con nhưng chị L không về. Đến cuối năm 2019, anh S có yêu cầu Tòa án tuyên bố chị L mất tích thì Tòa án xác minh chị L có về quê ăn tết cùng gia đình bên vợ. Tết

năm 2020 anh S cùng các con mình có về nhà cha, mẹ vợ ở Quảng Ngãi, vợ chồng anh S có gặp nhau, anh S cũng khuyên bảo nhưng chị L nói anh muốn làm gì thì làm. Sau khi anh S gửi đơn yêu cầu ly hôn, Tòa án huyện T có cùng với anh về nhà cha mẹ vợ xác minh. Tại đây Tòa án có gọi điện thoại cho chị L thì chị L cũng trả lời anh S muốn làm gì thì làm có sự chứng kiến của cha mẹ vợ. Thỉnh thoảng anh có gọi cho vợ và thông báo cho chị L biết về việc ly hôn nhưng chị L cố tình không muốn gặp và không đến theo giấy triệu tập của Tòa án. Chị L có gọi điện nói chuyện với các con chứ không đến thăm con. Hiện nay tình cảm vợ chồng giữa anh và chị L không còn thương yêu nhau. Vợ chồng phần ai người đó sống, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau đã lâu. Nay anh S xin được ly hôn với chị Võ Thị Thu L.

- Về con chung: Anh S khai vợ chồng anh chị có 02 con chung tên là:

1. Phan Phước L, sinh ngày 17/7/2007;

2. Phan Phước Nguyên K, sinh ngày 08/9/2011;

Từ khi chị L bỏ nhà ra đi từ năm 2016 cho đến nay, các con đều sống với anh. Nếu ly hôn nguyện vọng của anh S là xin được nuôi các con chung đến khi 18 tuổi, trưởng thành. Anh S không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Anh S khai vợ chồng không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Anh S khai vợ chồng không nợ ai.

\* Bị đơn chị Võ Thị Thu L không đến Tòa, không có bản tự khai, không có lời trình bày tại biên bản hòa giải. Tòa án đã tiến hành niêm yết, tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho chị L.

\* Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư Ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, trình tự thu thập chứng cứ là đúng quy định pháp luật. Bị đơn cố tình vắng mặt không đến tham dự phiên tòa.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xử chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh S, giao các cháu L và K cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng. Chị L không cấp dưỡng nuôi con chung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ lời trình bày của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam;

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là quan hệ ly hôn, tranh chấp về nuôi con là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án có bị đơn chị Võ Thị Thu L cư trú tại huyện T, tỉnh Quảng Nam. Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn chị Võ Thị Thu L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa. Các văn bản đã tổng đạt cho người nhà bị đơn, niêm yết tại nhà của bị đơn và tại UBND xã B, huyện T nơi bị đơn đăng ký nhân khẩu thường trú. Nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt không có lý do tại các buổi hòa giải cũng như tại phiên tòa. Do vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo qui định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa anh Phan Phước S và chị Võ Thị Thu L có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 010, quyển số 013 do Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam cấp ngày 03/4/2007 nên xác định anh S và chị L là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn anh S xác định vợ chồng không hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã sau đó thì chị L bỏ đi về quê mẹ hay đi đâu anh S cũng không rõ. Tết năm 2020 anh S cùng các con mình có về nhà cha, mẹ vợ ở Quảng Ngãi, vợ chồng anh S có gặp nhau, anh S cũng khuyên bảo nhưng chị L nói anh muốn làm gì thì làm. Vợ chồng anh chị sống ly thân với nhau đã lâu. Vợ chồng phần ai người đó sống, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay anh S xin được ly hôn với chị Võ Thị Thu L. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án muốn hòa giải cho các bên đoàn tụ chung sống làm ăn nuôi con, nhưng chị L cố tình trốn tránh, không đến Tòa làm việc. Hội đồng xét xử thấy các bên đương sự không thật sự mong muốn sống bên nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu có kéo dài thì cuộc sống hôn nhân cũng không có, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của Anh Phan Phước S xin được ly hôn với chị Võ Thị Thu L.

[3] Về con chung: Xác định trong thời kỳ hôn nhân và quá trình chung sống, vợ chồng anh S và chị L có 02 con chung tên là:

1. Phan Phước L, sinh ngày 17/7/2007;
2. Phan Phước Nguyên K, sinh ngày 08/9/2011;

Nguyên vọng của anh S nếu ly hôn anh S xin được trực tiếp nuôi các cháu L và K đến khi đủ 18 tuổi, trưởng thành. Theo anh S từ khi chị L bỏ nhà ra đi từ năm 2016 cho đến nay, các con đều sống chung với anh S. Hiện các cháu đang được anh nuôi dưỡng, ăn học đầy đủ, đảm bảo phát triển tốt mặc dù chị L không chu cấp cho các con. Do bị đơn chị Võ Thị Thu L vắng mặt, Hội đồng xét xử không biết được nguyên vọng của chị L có muốn nuôi con hay không. Trong khi nguyên vọng của các cháu L và K đều mong muốn được sống cùng với anh S. Hội đồng xét xử xét thấy chị L thực sự không mong muốn được nuôi con, không đến Tòa án để có lời trình bày nên không thể giao con cho chị L nuôi dưỡng. Ngoài ra, từ trước đến nay các cháu L và K vẫn sinh sống cùng anh S, các cháu ăn học và phát triển bình thường như những đứa trẻ khác mặc dù chị L không quan tâm hay cấp dưỡng cho các cháu. Từ đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn giao các cháu L và K cho anh S trực tiếp nuôi

dưỡng là phù hợp với tình hình thực tế, theo đúng nguyện vọng của các con và đúng pháp luật.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh S không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết theo yêu cầu của một bên hoặc của hai bên thì Tòa án có thể quyết định cho thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung: Anh S khai vợ chồng không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung và cho mượn nợ: Anh S khai vợ chồng không có nợ ai và không cho ai mượn nợ, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Phan Phước S phải chịu số tiền: 300.000<sup>d</sup>(Ba trăm ngàn đồng) theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Được tính trừ vào số tiền: 300.000<sup>d</sup>(Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí mà anh S đã nộp theo biên lai thu số 0005570 ngày 24/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Quảng Nam.

[8] Các bên đương có quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo theo quy định tại các Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[9] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam là đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 146; Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 2 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Anh Phan Phước S. Anh Phan Phước S được ly hôn với chị Võ Thị Thu L.

2. Về con chung, nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung:

- Xác định vợ chồng Anh Phan Phước S và chị Võ Thị Thu L có 02 con chung tên là: Phan Phước L, sinh ngày 17/7/2007; Phan Phước Nguyên K, sinh ngày 08/9/2011;

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Anh Phan Phước S, giao các cháu: Phan Phước L, sinh ngày 17/7/2007 và cháu Phan Phước Nguyên K, sinh ngày 08/9/2011

cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu L và K đủ 18 tuổi, trưởng thành. Chị Võ Thị Thu L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom chăm sóc giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết theo yêu cầu của một bên hoặc của hai bên thì Tòa án có thể quyết định cho thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Anh S khai không có tài sản chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung và cho mượn nợ: Anh S khai không có nợ ai và không cho ai mượn nợ, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Phan Phước S phải chịu số tiền: 300.000<sup>d</sup>(Ba trăm ngàn đồng). Được tính trừ vào số tiền: 300.000<sup>d</sup>(Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí mà anh S đã nộp theo biên lai thu số 0005520 ngày 22/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Quảng Nam.

6. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án được tổng đạt hợp lệ để xin Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND – VKSND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện. T;
- Chi cục THA.DS huyện. T;
- UBND xã B;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOẠ**

(đã ký, đóng dấu)

**Đặng Phùng Thành**